TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 04/2019/HNGĐ-PT
Ngày 17/01/2019
V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Hiền

Các thẩm phán: Ông Ong Thân Thắng

Ông Bạch Đăng Thi

-Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Dung - Thư ký, Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Đặng Văn Thìn - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 48/2018/TLPT-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2018 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình.

Do bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 70/2018/HNGĐ-ST ngày 20/9/2018 của Tòa án nhân dân huyện L bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2018/QĐPT-HNGĐ ngày 28/12/2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Vũ Thị L, sinh năm 1994 (có mặt).

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn T, xã D, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Hiện trú tại: Thôn Đ, xã D, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

- *Bị đơn*: Anh Mạc Văn Q, sinh năm 1990 (có mặt)

Nơi cư trú: Thôn T, xã D, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

-*Người kháng cáo:* Bị đơn anh Mạc Văn Q

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 14/8/2018 và những lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Vũ Thị L trình bày:

Chị kết hôn với anh Q ngày 28/10/2013, trước khi cưới có được tìm hiểu, tự nguyện thỏa thuận, đăng ký kết hôn tại UBND xã D, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận đến tháng 7/2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách vợ chồng không hợp nhau, nên trong cuộc sống và trong công việc làm ăn hàng ngày vợ chồng thường bất đồng quan điểm dẫn đến cãi nhau, không bảo ban được nhau để cùng làm ăn phát triển kinh tế, xây dựng hạnh phúc gia đình. Vợ chồng sống ly thân và cắt đứt mọi quan hệ từ ngày 05/8/2018. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Q.

Về con chung: Vợ chồng có 1 con chung là Mạc Thị Lưu L, sinh ngày 17/8/2014, hiện con đang ở cùng anh Q, cháu khỏe mạnh và phát triển bình thường. Nay ly hôn chị xin được nuôi con, không đề nghị Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con. Hiện chị đang làm công nhân tại Công ty S ở huyện Y, tỉnh Bắc Ninh. Thu nhập bình quân là 7.000.000đ/tháng, hiện chị đang ở nhờ nhà bà ngoại ở thôn Đ, xã D, điều kiện kinh tế gia đình bình thường, nếu giao con cho chị nuôi thì chị xin cam đoan sẽ bảo đảm việc chăm sóc nuôi dưỡng con tốt.

Về tài sản: Vợ chồng không có tài sản gì đáng giá, nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Mạc Văn Q trình bày:

Anh xác nhận một phần lời khai của chị L và trình bầy thêm vợ chồng chung sống hòa thuận đến ngày 12/8/2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng hay cãi nhau về những việc linh tinh trong gia đình, hay bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Vợ chồng sống ly thân và cắt đứt mọi quan hệ vợ chồng từ ngày 12/8/2018, từ đó anh có sang đón gọi nhiều lần nhưng chị L không về chung sống cùng anh. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn, chị L làm đơn xin ly hôn anh không đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có 1 con chung là Mạc Thị Lưu L, sinh ngày 07/8/2014, hiện con đang ở cùng anh, cháu khỏe mạnh và phát triển bình thường. Nếu phải ly hôn anh xin được nuôi con, không đề nghị Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con. Hiện anh đang làm công nhân tại Công ty bao bì ở khu công nghiệp S, thu nhập bình quân từ 7.000.000đ đến 8.000.000đ một tháng, hiện anh và con đang ở nhờ gia đình bố mẹ đẻ anh ở thôn T, xã D, điều kiện kinh tế gia đình bình thường, nếu giao con cho anh nuôi thì anh cam đoan sẽ bảo đảm việc chăm sóc nuôi dưỡng con tốt.

Về tài sản: Vợ chồng không có tài sản gì đáng giá, nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà sơ thẩm: Chị L, anh Q đều có mặt, chị L vẫn giữ nguyên yêu cầu trên. Anh Q xét thấy tình cảm vợ chồng không còn và đồng ý ly hôn chị L, xin được nuôi con, không đề nghị Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con và tài sản.

Vơi nội dung trên bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 70/2018/HNGĐ-ST ngày 20/9/2018 của Tòa án nhân dân huyện L đã áp dụng Điều 28; 35; 147; 235; 264; 271; 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 55; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Xử:

1.Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Vũ Thị L và anh Mạc Văn Q.

2.Về nuôi con chung: Giao chị Vũ Thị L nuôi con chung là Mạc Thị Lưu L, sinh ngày 17/8/2014; anh Q được quyền thăm nom con sau khi đã ly hôn, không ai được cản trở anh Q thực hiện quyền này.

3.Về án phí: Chị Vũ Thị L phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Nhưng được khấu trừ vào 300.000đ tiền chị L đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2018/0006690 ngày 16/8/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện L.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định quyền kháng cáo, quyền thi hành án cho các đương sự.

Ngày 24/9/2018 anh Q kháng cáo về phần con chung của bản án sơ thẩm nói trên, cùng ngày anh Q nộp tiền tạm ứng án phí, anh Q kháng cáo đề nghị được nuôi con chung.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn chị Vũ Thị L không rút đơn khởi kiện, bị đơn anh Mạc Văn Q không rút kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Anh Mạc Văn Q trình bầy: Anh kháng cáo không đồng ý bản án sơ thẩm về phần giải quyết con chung giao cho chị Luyến nuôi con chung là Mạc Thị Lưu L. Vì lý do chị L bỏ về nhà bà ngoại ở từ ngày 5/8/2018. Bà ngoại đã 90 tuổi sống một mình, chị L đi làm từ sáng đến chiều mới về không có thời gian chăm sóc con. Bác chị L nói chỉ cho chị L ở nhờ một thời gian không thể ở mãi được. Do không có chỗ ở ổn định để đảm bảo cuộc sống tương lai cho con. Sau khi xử ngày 21/9/2018 chị L nói nhường quyền nuôi con cho anh. Anh đề nghị Hội đồng xét xử xem xét kháng cáo của anh.

Chị Vũ Thị L trình bầy: Chị không đồng ý kháng cáo của anh Q, chị có đủ điều kiện để nuôi con, anh Q không cho chị thăm con. Hiện nay chị làm ở Công ty điển tử S, ở Bắc Ninh thu nhập từ 7 triệu đến 8 triệu đồng/tháng. Chị được nuôi con sẽ tạo điều kiện tốt nhất cho con phát triển. Vì anh Q cũng phải đi làm cũng phải nhờ bố mẹ anh trông con. Chị đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Toà án trong quá trình giải quyết vụ án tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn: Chấp hành đúng các quyền và nghĩa vụ của mình được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của anh Q. Giữ nguyên bản án sơ thẩm đã xử. Anh Q phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận, ý kiến của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1].Về quan hệ hôn nhân: Do mâu thuẫn vợ chồng chị L khởi kiện xin ly hôn anh Q. Bản án sơ thẩm công nhận thuận tình ly hôn giữa chị L và anh Q. Các đương sự không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị. Hội đồng xét xử không xem xét.

[2].Về nuôi con chung: Chị L và anh Q có 1 con chung là Mạc Thị Lưu L, sinh ngày 17/8/2014, hiện con chung đang ở cùng anh Q, cháu khỏe mạnh và phát triển bình thường. Bản án sơ thẩm giao con chung cho chị L nuôi dưỡng. Anh Q kháng cáo không đồng ý và đề nghị được nuôi con chung. Xét kháng cáo của anh Q. Hội đồng xét xử thấy:

Tại phiên tòa phúc thẩm anh Q cho rằng chị L không có đủ điều kiện nuôi con nhưng không đưa ra được căn cứ chứng minh. Chị L có thu nhập, chỗ ở ổn định. Mặt khác, cháu Mạc Thị Lưu L, sinh tháng 8/2014 cháu còn nhỏ, là con gái cần sự chăm sóc của người mẹ hơn. Do vậy, để đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho con chung, bản án sơ thẩm giao con chung cho chị L là người trực tiếp chăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng là có căn cứ. Nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của anh Q. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Nếu sau này người trực tiếp nuôi con là chị L không còn đủ điều kiện trực tiếp chăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục anh Q có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con theo Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

[3].Về án phí: Do kháng cáo của anh Mạc Văn Q không được chấp nhận nên anh Q phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ

luật tố tụng dân sự, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/21016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của anh Mạc Văn Q. Giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần con chung.

Căn cứ Điều 28; 35; 147; khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Điều 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1.Về nuôi con chung: Giao chị Vũ Thị L nuôi con chung là Mạc Thị Lưu L, sinh ngày 17/8/2014; anh Q được quyền thăm nom con sau khi đã ly hôn, không ai được cản trở anh Q thực hiện quyền này.

2.Về án phí: Anh Mạc Văn Q phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Nhưng được khấu trừ số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2018/0006749 ngày 24/9/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
-VKSND tỉnh Bắc Giang;
-TAND huyện L;
-VKSND huyện L;
-Chi cục THA huyện L;
- UBND xã D, huyện L;
- Các đương sự;
- Lưu HCTP, Tòa GĐ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thị Thu Hiền